TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2020/DS-PT
Ngày 08-6-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khưu Để Dành

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tâm

Ông Lê Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2019/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2020/QĐXXPT-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 403/2020/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973. Ông H ủy quyền cho bà H (theo giấy ủy quyền có chứng thực của UBND xã Long Giang ngày 28 tháng 02 năm 2019), cùng cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Công D, sinh năm 1963 và bàNguyễn Thị Kim P, sinh năm 1966, cùng cư trú: tổ 1, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Trần Công D và bàNguyễn Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Vào ngày 30 tháng 02 năm 2017 (âm lịch) vợ chồng ông Trần Công D và bàNguyễn Thị Kim P có vay của ông, bà số tiền 400.000.000 đồng lãi suất 3% mỗi tháng có làm biên nhận, từ ngày vay đến nay không đóng lãi và không trả vốn. Nay yêu cầu ông D, bà P trả số tiền nợ vay

400.000.000 đồng yêu cầu tính lãi từ ngày 30 tháng 02 năm 2017 (âm lịch) đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bàNguyễn Thị Kim P và ông Trần Công D trình bày: Ngày 15 tháng 9 năm 2015 ông, bà có nhờ bà H hỏi giùm số tiền 30.000.000 đồng, lãi 01 ngày 300.000 đồng; ông, bà có đóng lãi một thời gian dài, sau đó không đóng nữa; ông, bà có kêu bà H cố trại mộc ngang 8,3m dài 17,6m số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà H không chịu; ông, bà có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, bà cho bà H lấy sang nhượng cho người khác số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 15 tháng 12 năm 2017. Sau đó bà H bị vỡ nợ có đến gặp ông, bà nhiều lần nhờ ông bà giúp nói với chồng bà H là ông, bà đang thiếu của bà H 400.000.000 đồng nếu không bà H sẽ bị đuổi ra khỏi nhà. Ông, bà đồng ý nên bà P ký vào tờ biên nhận giúp cho bà H chứ không có thiếu số tiền nói trên. Nay không đồng ý trả lại số tiền 30.000.000 đồng, còn 400.000.000 đồng là không có vay.

Đối với chữ ký trong biên nhận ông D không thừa nhận chữ ký của ông, bà P xác nhận có ký nhận nhưng chỉ là ký giùm cho bà H để nói chuyện với chồng là có cho vay.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2019/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, quyết định:

Áp dụng: Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; 35; 39; 144; 147; 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Trần Công D, bàNguyễn Thị Kim P.

Buộc ông Trần Công D, bàNguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 400.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, bị đơn bàNguyễn Thị Kim P, ông Trần Công D làm đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 76/2019/DS -ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P, ông D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và phát biểu tranh luận cho rằng không có vay số tiền 400.000.000 đồng nên không đồng ý trả cho bà H, ông H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các

đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 76/2019/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] BàNguyễn Thị Kim P, ông Trần Công D nộp đơn kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà P, ông D. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà H, ông H căn cứ biên nhận ngày 30 tháng 02 năm 2017 (Búc lục 02) khởi kiện yêu cầu bà P, ông D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ là 400.000.000 đồng.

[2.2] Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm bị đơn ông D không thừa nhận chữ ký trong biên nhận 30 tháng 02 năm 2017 nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông D thừa nhận chữ ký trong biên nhận 30 tháng 02 năm 2017 là của ông. Điều này, phù hợp với kết luận giám định số 23/KLGT-PC09 (TL) ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang kết luận: Chữ ký mang tên Trần Công D trên Biên nhận ngày 30 tháng 02 năm 2017 cần giám định (ký hiệu: A1) so với chữ ký Trần Công D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1, M2) do một người ký ra.

Bà P thừa nhận chữ ký trong biên nhận là của bà nhưng cho rằng: Do bà H bị vỡ nợ, bà H nhờ vợ chồng bà giúp nói với chồng bà H là vợ chồng bà thiếu bà H 400.000.000 đồng và làm giấy nợ nếu không bà H bị đuổi ra khỏi nhà nên vợ chồng bà mới ký vào tờ biên nhận ngày 30 tháng 02 năm 2017 giúp cho bà H chứ vợ chồng bà không có thiếu số tiền nói trên. Tuy nhiên, bà P, ông D không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Như vậy, cấp sơ thẩm xác định giữa vợ chồng bà P, ông D với vợ chồng bà H, ông H có thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, cấp sơ thẩm căn cứ biên nhận ngày 30 tháng 02 năm 2017 chấp nhận yêu cầu của bà H, ông H. Buộc bà P, ông D có nghĩa vụ trả cho bà H, ông H số tiền còn nợ 400.000.000 đồng là có căn cứ đúng quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P, ông D.

[4] Kháng cáo không được chấp nhận nên bà P, ông D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bàNguyễn Thị Kim P, ông Trần Công D.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2019/DS -ST ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ngọc H với ông Trần Công D, bàNguyễn Thị Kim P.

Buộc ông Trần Công D, bàNguyễn Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Chi phí tố tụng: Chi phí giám định 3.060.000đ ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu (đã nộp xong).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Công D, bàNguyễn Thị Kim P phải chịu 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị P chịu 300.000 đồng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013572 ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Ông Trần Công D chịu 300.000 đồng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013571 ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- TAND huyện;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khưu Để Dành